TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VẠN NINH
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 3 năm 2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trừ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tám

2. Ông Huỳnh Thái Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Pháp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2021/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T sinh năm 1970; trú tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Ngô Văn L sinh năm 1967; trú tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Văng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 05 tháng 3 năm 2021, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 25/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên kình cãi, mâu thuẫn nhau, nguyên nhân do ông L không lo làm ăn, chăm lo gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt về nhà chửi bới, đánh bà T. Từ đầu năm 2021 đến nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau.

Nay bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với ông Ngô Văn L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng bà T, ông L có bốn con chung là Ngô Thị L sinh 1994, Ngô Thị L sinh năm 1996, Ngô Văn L sinh năm 1998 và Ngô Thị L sinh năm 2001. Các con chung đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn để trình bày ý kiến về việc nguyên đơn khởi kiện, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tham gia phiên tòa nhưng bị đơn đều không có mặt nên Toà án không lấy được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy Lvề phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung không giải quyết; về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị T yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn L, ông L có nơi cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T, ông Ngô Văn L kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Khánh Hòa, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp.

Về việc bà T yêu cầu ly hôn với ông L, xét thấy: Vợ chồng bà T, ông L thực tế không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2021, chứng tỏ giữa hai bên đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai người không tìm được giải pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau, xây dựng hạnh phúc gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L đến Tòa để giải quyết ly hôn giữa hai người nhưng ông L đều không có mặt, chứng tỏ ông L không còn quan tâm về mối quan hệ hôn nhân

với bà T; nên có cơ sở để xác định bà T với ông L đã không còn thương yêu nhau, tình trạng hôn nhân giữa hai người đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của bà.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng bà T, ông L có bốn con chung là Ngô Thị L sinh 1994, Ngô Thị L sinh năm 1996, Ngô Văn L sinh năm 1998 và Ngô Thị L sinh năm 2001. Các con chung đã trưởng thành nên không giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T xác nhận vợ chồng không nợ của ai, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị T được ly hôn ông Ngô Văn L.

2. Về nuôi con chung: Các con chung Ngô Thị L sinh 1994, Ngô Thị L sinh năm 1996, Ngô Văn L sinh năm 1998 và Ngô Thị L sinh năm 2001 đã trưởng thành nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét về tài sản chung.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0003728 ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh. Bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
(Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trừ